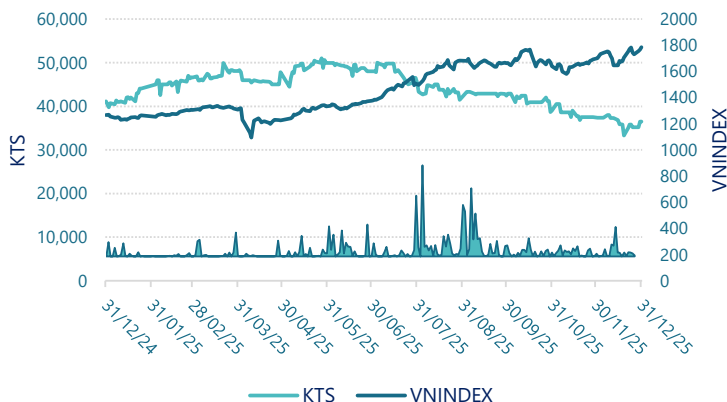




CTCP Đường Kon Tum (HNX: KTS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	36,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,300
SL cổ phiếu LH	5,070,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	775
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	185
P/E	10.3
EPS	3,551

DT thuần

Q4/25

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.5 | 83.6%

YoY: ▼ 10.0 | -8.2%

LN sau thuế

Q4/25

0.71

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.78 | -71.6%

YoY: ▼ 14.1 | -95.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.9%

+/- YoY: ▼ 8.0%

DT thuần

2025

334

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 47.0 | -12.4%

LN sau thuế

2025

18.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 32.6 | -64.4%

ROE

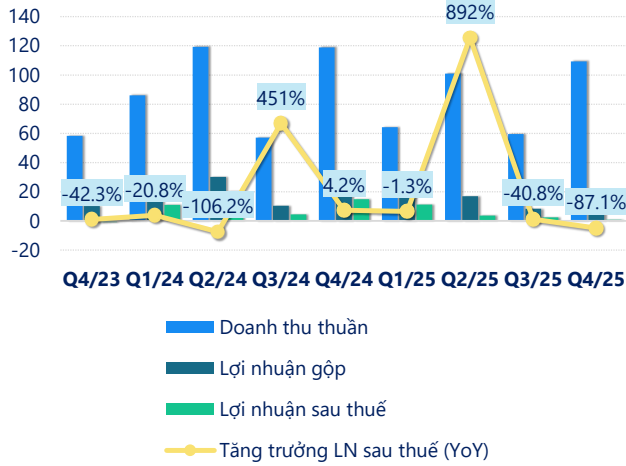
2025

7.1%

+/- YoY: ▼ 15.6%

tỷ VNĐ

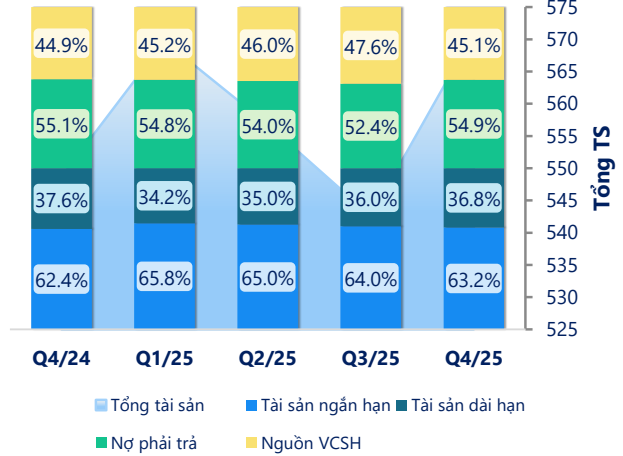
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

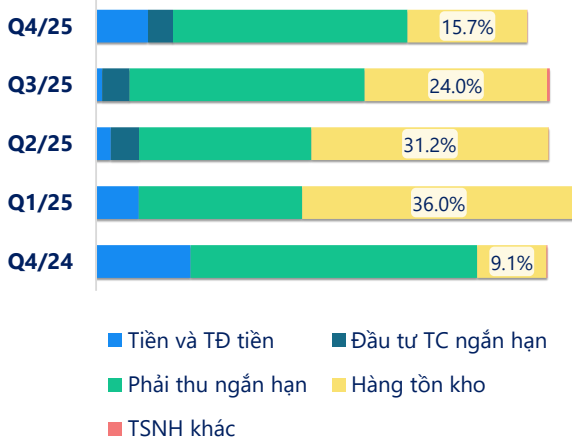
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



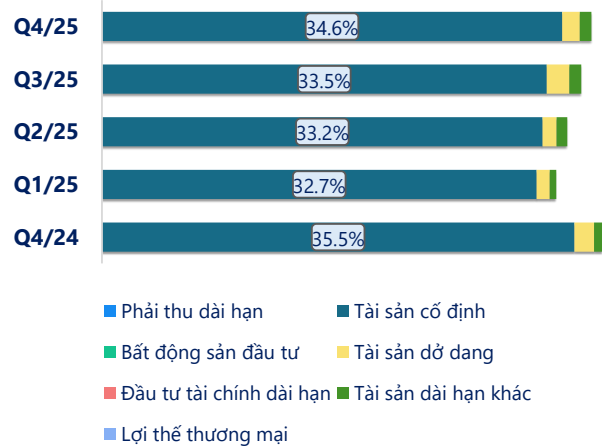
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

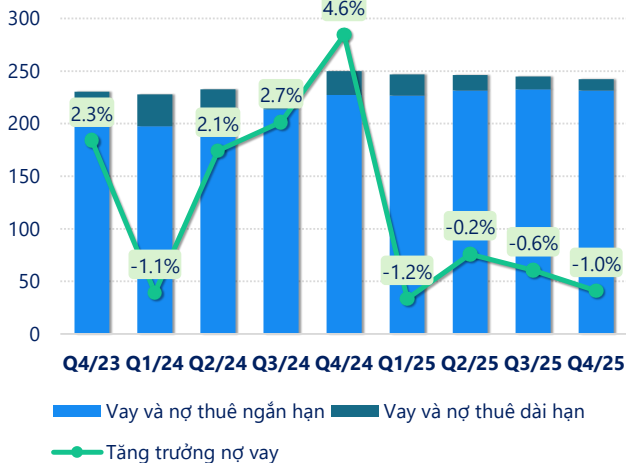
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

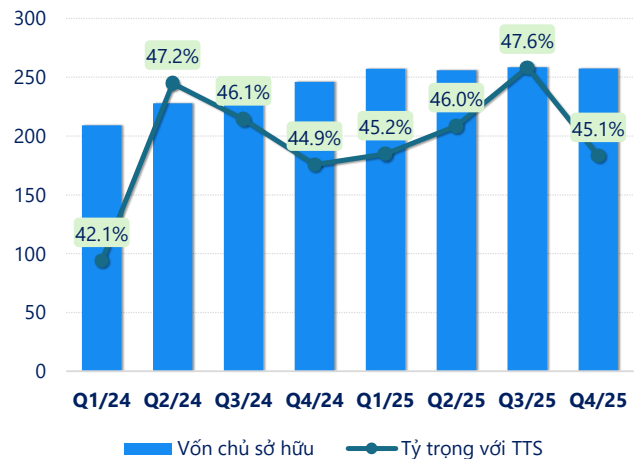
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

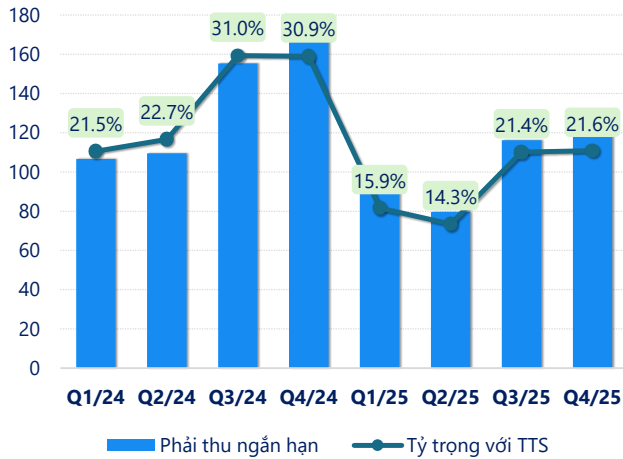
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



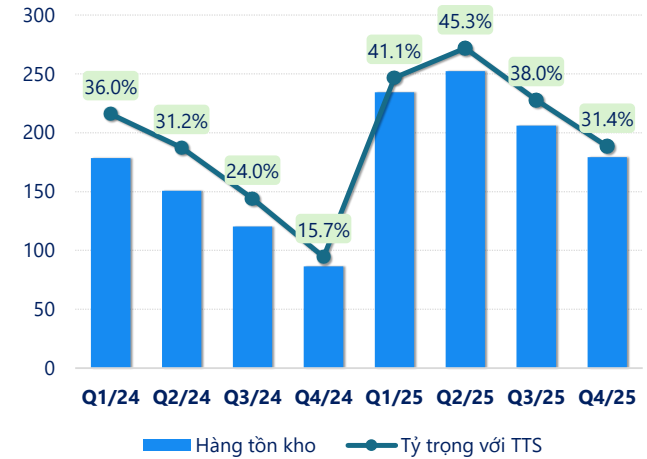
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


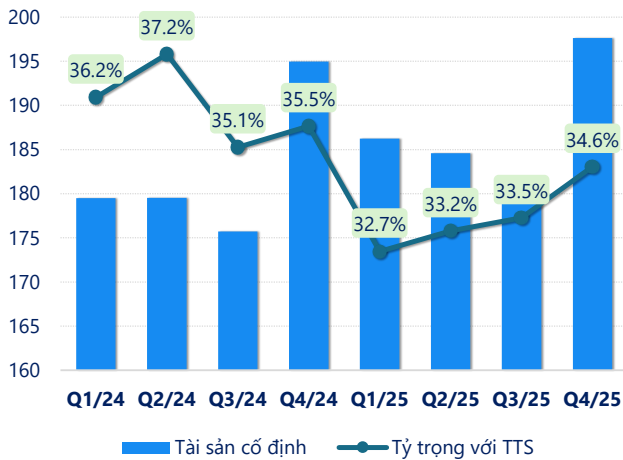
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


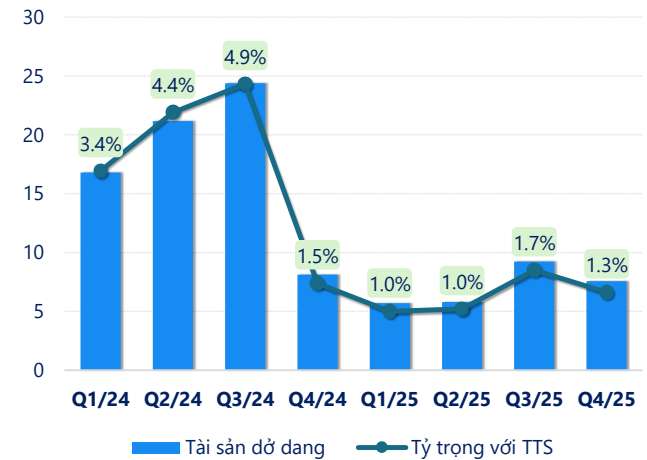
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

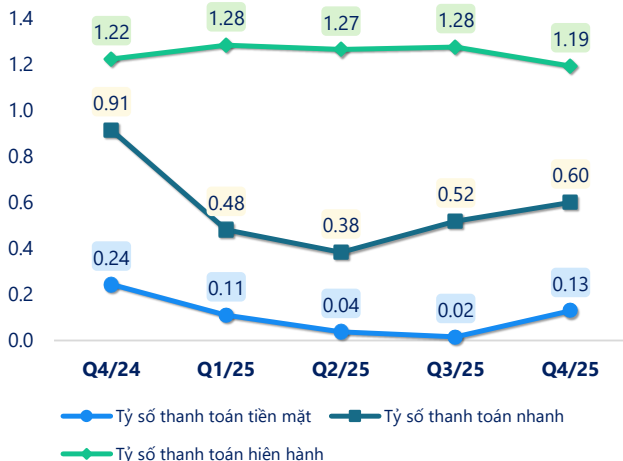
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

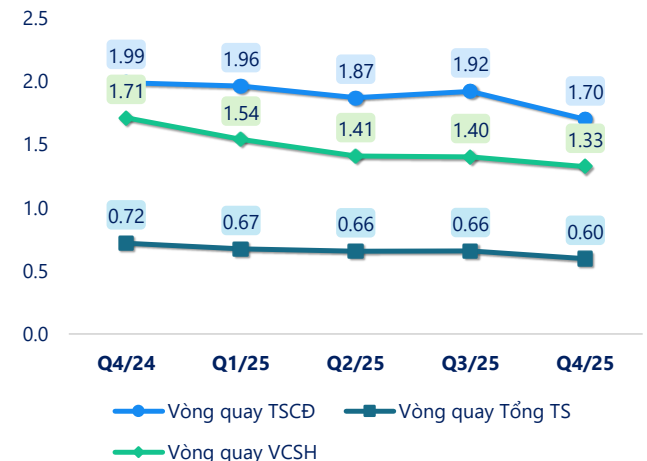
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	549	570	557	543	571
Tài sản ngắn hạn	342	375	362	347	361
Tiền và tương đương tiền	68.2	32.1	10.8	4.33	39.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.0	18.0	18.8	18.8	18.8
Phải thu ngắn hạn	170	90.5	79.6	116	123
Hàng tồn kho	86.4	234	252	206	179
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.10	0.48	1.64	0.74
Tài sản dài hạn	206	195	195	196	210
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	195	186	185	182	198
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.12	5.70	5.80	9.23	7.57
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.32	2.77	4.47	4.87	5.07
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	303	312	301	284	313
Nợ ngắn hạn	280	292	286	272	302
Vay và nợ thuê ngắn hạn	227	227	231	233	232
Phải trả người bán ngắn hạn	33.2	43.5	33.1	21.5	47.4
Nợ dài hạn	22.8	20.3	14.8	12.3	11.0
Vay và nợ thuê dài hạn	22.8	20.3	14.8	12.3	10.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	246	257	256	258	258
Vốn chủ sở hữu	246	257	256	258	258
Vốn điều lệ	50.7	50.7	50.7	50.7	50.7
Kinh phí và quỹ khác	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

(Nguồn: fireant.vn)